

Số: 87.20/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 13 tháng 08 năm 2020.

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2020 (kỳ báo cáo) so với 6 tháng đầu năm 2019 như sau :

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	0	0		
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	58,212,241,904	7,621,037,224	50,591,204,680	664%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29,953,554,678	17,393,301,365	12,560,253,313	72%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	113,968,213,138	92,621,043,031	21,347,170,107	23%
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	35,313,145,000		35,313,145,000	
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	63,958,469,330	48,249,151,667	15,709,317,663	33%
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,635,091,355	1,320,363,238	314,728,117	24%
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	87,000,000	136,363,636	(49,363,636)	-36%
1.11. Thu nhập hoạt động khác	22,362,620	17,111,412	5,251,208	31%
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	303,150,078,025	167,358,371,573	135,791,706,452	81%
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	59,983,413,704	7,352,109,554	52,631,304,150	716%
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	27,052,724,884	12,641,349,726	14,411,375,158	114%
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	26,140,505,000		26,140,505,000	
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	1,297,934,741	91,447,888	1,206,486,853	1319%
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	41,999,658,407	30,560,000,847	11,439,657,560	37%
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,652,357,081	1,332,159,735	320,197,346	24%
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	933,720,000	529,356,968	404,363,032	76%
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	159,060,313,817	52,506,424,718	106,553,889,099	203%
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	459,587,517	445,393,654	14,193,863	3%

3.4. Doanh thu khác về đầu tư	10,063,185	8,287,656	1,775,529	21%
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	469,650,702	453,681,310	15,969,392	4%
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	2,816,542,488	2,507,624,657	308,917,831	12%
4.2. Chi phí lãi vay	4,209,968,039	149,363,754	4,060,604,285	2719%
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	7,026,510,527	2,656,988,411	4,369,522,116	164%
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	44,066,055,618	40,592,685,328	3,473,370,290	9%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)	93,466,848,765	72,055,954,426	21,410,894,339	30%
8.1. Thu nhập khác	25,150,551	49,713,126	(24,562,575)	-49%
8.2. Chi phí khác	137,050	16,075	120,975	753%
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	25,013,501	49,697,051	(24,683,550)	-50%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	93,491,862,266	72,105,651,477	21,386,210,789	30%
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	100,526,346,661	72,080,985,605	28,445,361,056	39%
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(7,034,484,395)	24,665,872	(7,059,150,267)	-28619%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	18,699,920,454	14,611,054,295	4,088,866,159	28%
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,699,920,454	14,611,054,295	4,088,866,159	28%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	74,791,941,812	57,494,597,182	17,297,344,630	30%

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 74.7 tỷ đồng, tăng 17.29% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động, cụ thể là:

- Lãi từ hoạt động tự doanh của công ty, chủ yếu từ vị thế của hợp đồng tương lai, sau khi trừ đi phần lỗ thì tăng thêm 5.9 tỷ.
- Phí thu được từ nghiệp vụ môi giới sau khi trừ chi phí tương ứng thì tăng thêm 4,2 tỷ
- Lãi từ hoạt động cho vay margin tăng 6.9 tỷ.
- Phần còn lại doanh thu tăng là do tăng từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Đồng thời kỳ này chi phí tài chính có tăng thêm 4 tỷ là do chi phí lãi vay trái phiếu do công ty phát hành.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng !

Tổng giám đốc 



Park Won Sang